

MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

TRẦN MINH THẢO*

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về nguyên tắc xử lý, mức phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, quyết định hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt, phạm nhiều tội và có nhiều bản án. Trên cơ sở những hạn chế đã phân tích, tác giả đưa ra một số kiến nghị khắc phục những hạn chế đó trong các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Từ khóa: Người dưới 18 tuổi phạm tội; quyết định hình phạt; tổng hợp hình phạt; hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Abstract: The article analyzes some limitations of The 2015 Criminal Code, such as the rules for taking actions against juvenile offenders, determinate imprisonment, decision on a sentence for incomplete crime, combined sentence for multiple crimes, combination of punishments of multiple judgments. On that basis, the author makes a number of recommendations to improve the provisions of The 2015 Criminal Code on this issue.

Keywords: Juvenile offenders; deciding on penalties; combination of punishments; punishments imposed upon juvenile offenders.

Ngày nhận bài: 05/9/2023; Ngày sửa bài: 20/10/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/11/2023.

Đặt vấn đề

Một trong những biểu hiện cụ thể của BLHS năm 2015 trong việc bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội chính là quy định về nguyên tắc xử lý liên quan đến việc hạn chế áp dụng hình phạt và quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Mặc dù BLHS năm 2015 đã dành riêng Chương XII để quy định về vấn đề trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong đó, có quy định về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội với đường lối xử lý khoan hồng hơn, nhân đạo hơn so với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các quy định này vẫn còn có một số hạn chế cần được tiếp tục khắc phục.

Trong phạm vi bài viết, tác giả chỉ tập trung phân tích một số hạn chế về nguyên tắc xử lý liên quan đến việc hạn chế áp dụng hình phạt và quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015; trên cơ sở đó, đưa ra một số kiến nghị khắc phục nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về vấn đề này.

1. Một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

1.1. Những hạn chế trong các quy định về nguyên tắc xử lý liên quan đến việc hạn chế áp dụng hình phạt

Theo khoản 4 Điều 91 BLHS năm 2015, khi xét xử, Tòa án có ba cách thức xử lý có thể lựa chọn để áp dụng đối với người

* NCS, Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự, Học viện Khoa học xã hội; Email: tranminhthao@gmail.com

dưới 18 tuổi phạm tội: (1) Miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục (GSGD); (2) Áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; (3) Áp dụng hình phạt. Tuy nhiên, với việc quy định chữ “hoặc” tại khoản 4 Điều 91 BLHS năm 2015 có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất về thứ tự ưu tiên áp dụng các biện pháp này như sau: (1) Khi xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án có thể chỉ cần xem xét một trong hai cách thức xử lý là “miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp GSGD” hoặc “áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng” trước khi quyết định áp dụng hình phạt mà không cần phải xem xét cả hai cách thức xử lý này; (2) Chưa thể hiện rõ được thứ tự ưu tiên là cần phải xem xét lựa chọn cách xử lý “miễn TNHS và áp dụng biện pháp GSGD” trước hay sau khi xem xét lựa chọn “biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng”.

Tại Điều 98 BLHS năm 2015, nhà làm luật quy định người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt chính gồm cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ (CTKGG) và tù có thời hạn¹. Vì hình phạt tù có thời hạn (HPTCTH) là hình phạt nghiêm khắc nhất được áp dụng nên khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định: “Tòa án chỉ áp dụng HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người từ đủ 18 tuổi phạm tội trở lên phạm tội tương

ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Quy định này thể hiện hai nội dung:

- Tòa án chỉ áp dụng HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Hay nói cách khác, Tòa án chỉ được áp dụng HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi đó là biện pháp cuối cùng.

- Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án không chỉ cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn so với mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội mà còn phải áp dụng với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

Từ quy định tại đoạn 1 khoản 6 Điều 91 và nguyên tắc xử lý tại khoản 4 Điều 91 BLHS năm 2015 có thể hiểu, khi xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án cần cân nhắc, ưu tiên xem xét trước hết việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp GSGD và áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Khi người dưới 18 tuổi phạm tội không đủ điều kiện để được áp dụng các cách xử lý này thì Tòa án mới xem xét đến việc áp dụng hình phạt². Khi xem xét áp dụng hình phạt, Tòa án phải ưu tiên áp dụng các hình phạt nhẹ hơn HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là cảnh cáo, phạt tiền, CTKGG. Khi người dưới 18 tuổi phạm tội không đủ điều kiện để áp dụng các hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, CTKGG thì cuối cùng Tòa án mới xem xét đến việc áp dụng HPTCTH³.

Như vậy, theo khoản 4 và đoạn 1 khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 về thứ tự ưu

¹ Điều 98 BLHS năm 2015.

² Đỗ Thị Phương (Chủ biên, 2020), *Giáo trình tư pháp đối với NCTN*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.186-187.

³ Trường Đại học Luật TP.HCM (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr.426.

cách thức xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì Tòa án chỉ áp dụng HPTCTH đối với người dưới 14 tuổi phạm tội khi đó là biện pháp cuối cùng, sau khi Tòa án đã cân nhắc việc miễn TNHS và áp dụng các biện pháp GSGD, biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và các hình phạt khác nhẹ hơn HPTCTH. Tuy nhiên, quy định tại đoạn 1 khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 lại thể hiện chưa đúng thứ tự ưu tiên việc áp dụng các biện pháp này bởi các hạn chế:

- Đoạn 1 khoản 6 Điều 91 BLHS sử dụng cụm từ “*biện pháp giáo dục*” là chưa chính xác vì BLHS năm 2015 không quy định thuật ngữ “*biện pháp giáo dục*” mà chỉ có “*các biện pháp GSGD*” và biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Do đó, theo tác giả, việc sử dụng cụm từ “*biện pháp giáo dục*” là chưa bao hàm hết thứ tự ưu tiên áp dụng các cách thức xử lý mà BLHS năm 2015 quy định.

- Đoạn 1 khoản 6 Điều 91 BLHS đặt cụm từ “*các hình phạt*” lên trước cụm từ “*biện pháp giáo dục*” là chưa chính xác vì Tòa án chỉ xem xét đến việc áp dụng hình phạt khi việc miễn TNHS và áp dụng biện pháp GSGD hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

1.2. Những hạn chế trong các quy định về mức phạt tù có thời hạn

Nếu phạt tù có thời hạn đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm một tội có mức tối thiểu là 3 tháng và mức tối đa là 20 năm⁴ thì đối với người dưới 18 tuổi phạm tội,

Điều 101 BLHS năm 2015 quy định mức phạt tù áp dụng đối với hai nhóm tuổi khác nhau là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi với đường lối xử lý khoan hồng, nhân đạo hơn so với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội⁵. Tuy nhiên, quy định tại Điều 101 BLHS năm 2015 về mức phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn có một số hạn chế sau:

Thứ nhất, Điều 101 BLHS năm 2015 chỉ quy định mức tối đa của HPTCTH được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội mà không quy định mức tối thiểu⁶. Như vậy, mức tối thiểu của HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được xác định như thế nào. Vấn đề này đến nay vẫn chưa được quy định và hướng dẫn nên còn tồn tại nhiều cách hiểu như sau:⁷

Cách hiểu thứ nhất cho rằng, theo hướng dẫn tại mục I.4. Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử đã trả lời vướng mắc về mức phạt tù được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội với nội dung: “*Theo quy định tại Điều 101 BLHS năm 2015 thì mức phạt tù có thời hạn cao nhất được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Như vậy, luật chỉ khống chế mức phạt cao nhất áp dụng đối với đối tượng này mà không khống chế mức thấp nhất. Do đó, trong trường hợp nêu trên, Tòa án có thể áp dụng mức phạt 4 năm tù đối với bị cáo, nếu việc áp dụng hình phạt đó bảo đảm được*

⁴ Đoạn 2 khoản 1 Điều 38 BLHS năm 2015.

⁵ Điều 101 BLHS năm 2015.

⁶ Trường Đại học luật TP.HCM, Tlđd, tr.447-448.

⁷ Xem thêm: Đặng Văn Thực (2021), “Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS năm 2015”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 01, tr.17-22.

mục đích của hình phạt và các nguyên tắc trong việc xử lý hình sự NCTN phạm tội”.

Theo Công văn số 212/TANDTC-PC thì mức phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bị khống chế mức tối đa mà không khống chế mức tối thiểu. Hơn nữa, Công văn số 212/TANDTC-PC không hướng dẫn rõ mức phạt tù tối thiểu được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là bao nhiêu mà chỉ hướng dẫn *“mức phạt tù tối thiểu áp dụng bảo đảm được mục đích của hình phạt và các nguyên tắc trong việc xử lý hình sự NCTN phạm tội”*. Với hướng dẫn tại Công văn số 212 thì Điều 101 BLHS năm 2015 không khống chế mức tối thiểu là phải bằng ba phần tư hoặc một phần hai mức phạt tù tùy từng nhóm tuổi mà khung hình phạt quy định cho nên có thể hiểu, trong trường hợp quyết định HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 101 BLHS năm 2015 thì mức tối thiểu là 3 tháng tù.

Cách hiểu thứ hai cho rằng, Công văn số 212/TANDTC-PC hướng dẫn Điều 101 BLHS năm 2015 chỉ khống chế mức phạt tù tối đa mà không khống chế mức phạt tù tối thiểu. Tuy nhiên, việc áp dụng mức phạt tù tối thiểu theo Điều 101 BLHS năm 2015 phải bảo đảm được mục đích của hình phạt và các nguyên tắc trong việc xử lý hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội. Nếu cho rằng, mức tối thiểu của HPTCTH áp dụng đối với NCTN phạm tội có thể bằng mức tối thiểu của loại hình phạt này là 3 tháng tù thì sẽ không hợp lý vì như vậy sẽ không thể hiện được sự phân hóa TNHS đối với các trường hợp phạm tội khác như quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (PTCĐ), quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Thứ hai, khi quy định về mức phạt tù có thời hạn, Điều 101 BLHS năm 2015 sử dụng các cụm từ còn khá chung chung như *“điều luật được áp dụng”*, *“mức phạt tù mà điều luật quy định”*. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất trong trường hợp một điều luật quy định nhiều khung hình phạt khác nhau thì Tòa án có thể lựa chọn bất kì khung hình phạt nào để áp dụng đối với người phạm tội hay phải dựa vào khung hình phạt tương ứng mà người dưới 18 tuổi đã thực hiện.

Thứ ba, theo tinh thần hướng dẫn tại mục 11.2a Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS, khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 101 BLHS năm 2015 mà mức phạt tù được xác định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thấp hơn 3 tháng thì Tòa án cần áp dụng loại hình phạt khác nhẹ hơn đối với họ. Tuy nhiên, theo quy định của BLHS năm 2015 thì việc áp dụng loại hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn chỉ được quy định tại khoản 3 Điều 54 BLHS (Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng). Do đó, sẽ có trường hợp, khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 101 BLHS, mức phạt tù có thời hạn có thể có kết quả dưới 3 tháng tù nhưng người dưới 18 tuổi phạm tội không thỏa mãn điều kiện để được chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn quy định tại khoản 3 Điều 54 BLHS thì Tòa án cũng không có căn cứ để chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

1.3. Những hạn chế trong các quy định về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt

Nếu việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội tại khoản 2 Điều 102 BLHS năm 2015 được hiểu và xác định thống nhất thì quy định về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi PTCĐ tại khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau. Cụ thể:

- *Cách hiểu thứ nhất cho rằng*, để xác định mức hình phạt đối với người dưới 18 tuổi PTCĐ tại khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 thì chỉ cần thực hiện một bước là lấy một phần ba hoặc một phần hai (tùy theo nhóm tuổi) nhân với mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt tương ứng mà người dưới 18 tuổi thực hiện⁸. Ví dụ: A (17 tuổi) phạm tội giết người theo quy định tại khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015 ở giai đoạn PTCĐ (khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt từ 7 năm tù đến 15 năm tù), thì mức hình phạt tối đa được áp dụng đối với A trong trường hợp này là 7 năm 6 tháng tù ($1/2 * 15$ năm).

- *Cách hiểu thứ hai lại cho rằng*, để xác định mức hình phạt tối đa áp dụng đối với người dưới 18 tuổi PTCĐ tại khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 thì cần phải thực hiện 2 bước: (1) Bước 1, xác định mức hình phạt tối đa được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 99, 100, 101 BLHS năm 2015 tương ứng như đối với trường hợp tội phạm hoàn thành; (2) Bước 2, trên cơ sở kết quả mức hình phạt xác định được ở bước một, xác định tiếp mức hình phạt tối đa được áp dụng đối với trường hợp PTCĐ bằng một phần ba hoặc một phần hai (tùy theo độ tuổi) của người phạm tội⁹. Ví dụ: A (17 tuổi) phạm tội giết

người theo quy định tại khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015 ở giai đoạn PTCĐ (khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt từ 7 năm tù đến 15 năm tù), thì mức hình phạt tối đa được áp dụng đối với A trong trường hợp này được xác định qua hai bước: Bước 1, áp dụng khoản 1 Điều 101 BLHS: $3/4 * 15$ năm, mức tối đa là 11 năm 3 tháng tù; Bước 2, áp dụng đoạn 2 khoản 3 Điều 102 BLHS, mức tối đa là 5 năm 7 tháng 15 ngày tù ($1/2 * 11$ năm 3 tháng tù).

Tác giả đồng tình với cách hiểu thứ hai bởi nếu như theo cách hiểu thứ nhất thì sẽ không phân hóa được TNHS của người dưới 18 tuổi trong trường hợp thực hiện tội phạm ở giai đoạn hoàn thành với trường hợp phạm tội ở giai đoạn PTCĐ.

1.4. Những hạn chế trong các quy định về tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội và có nhiều bản án

Tại Điều 103 BLHS năm 2015, nhà làm luật quy định việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội với ba khoản tương ứng với ba nội dung: (1) Khoản 1 quy định việc tổng hợp hình phạt khi các tội do người dưới 18 tuổi thực hiện đều nằm trong giới hạn từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi hoặc đều nằm trong giới hạn từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; (2) Khoản 2 quy định về việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi; (3) Khoản 3 quy định về việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện

⁸ Hoàng Thị Kim Anh và các tác giả (2016), "Một số điểm mới về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015", Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 3.

⁹ Trường Đại học luật TP.HCM, tldd, tr.447-448.

sau khi đủ 18 tuổi. Theo tác giả, quy định tại Điều 103 BLHS năm 2015 vẫn còn có một số hạn chế sau:¹⁰

Thứ nhất, khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 chưa quy định rõ về độ tuổi của người dưới 18 tuổi phạm tội khi sử dụng cụm từ “sau khi đủ 16 tuổi” vì BLHS năm 2015 chia người dưới 18 tuổi phạm tội thành hai nhóm tuổi với hai đường lối xử lý khác nhau là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Vì thế, khi khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định “sau khi đủ 16 tuổi” có thể nhầm lẫn với trường hợp là một người phạm tội sau khi đủ 16 tuổi trở lên mà không bị khống chế mức tối đa là phải “dưới 18 tuổi”.

Thứ hai, điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 chưa quy định rõ về nhóm tuổi phạm tội cũng như mức hình phạt cao nhất được áp dụng trong mỗi trường hợp. Cụ thể, điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS quy định đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau: “Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này”. Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 làm phát sinh các vấn đề:

- Với cụm từ “tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi” sẽ có thể xảy ra hai trường hợp: (i) Mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người

đó từ đủ 14 tuổi đến 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi (ii) Mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi.

- Quy định “thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này” chưa có cách hiểu thống nhất vì khoản 1 Điều 103 BLHS quy định hai mức phạt tối đa được áp dụng đối với hai nhóm đối tượng khác nhau là 18 năm tù đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm tù đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội. Như vậy, điểm a khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 103 là không vượt quá mức cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015 là 18 năm tù hay là tùy theo nhóm tuổi mà xác định (cụ thể, mức hình phạt cao nhất là 18 năm tù đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm tù đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội).

Đối với trường hợp phải tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Điều 104 BLHS năm 2015 quy định khi tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì: “Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 103 của Bộ luật này”. Quy định này là quá chung chung dẫn tới việc khó áp dụng trên thực tế bởi mức hình phạt cao nhất

¹⁰ Xem thêm: Nguyễn Thị Phương Hoa - Lê Huỳnh Tân Duy (Đồng chủ biên, 2023), *Tư pháp hình sự đối với NCTN (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Công an nhân dân, tr.293-294.

quy định tại Điều 103 BLHS năm 2015 là khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp phạm tội và theo từng nhóm tuổi. Như vậy, khi tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì việc xác định hình phạt chung cao nhất: (i) có cần phải xác định từng trường hợp phạm tội cụ thể theo từng nhóm tuổi cụ thể tại Điều 103 BLHS hay không (ii) hay chỉ cần xác định mức hình phạt cao nhất được quy định tại Điều 103 BLHS năm 2015 là 18 năm tù (iii) hay chỉ cần xác định mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 12 năm tù, mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là 18 năm tù.

2. Kiến nghị khắc phục những hạn chế trong các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Với các hạn chế đã phân tích ở trên, để việc áp dụng pháp luật được thống nhất cũng như bảo đảm được lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội, tác giả đề xuất các kiến nghị khắc phục tương ứng như sau:

Thứ nhất, kiến nghị khắc phục hạn chế trong các quy định về nguyên tắc xử lý.

*Một là, để thể hiện rõ nguyên tắc xử lý ưu tiên việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp GSGD, biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng so với việc áp dụng hình phạt, tác giả kiến nghị khoản 4 Điều 91 BLHS năm 2015 cần được sửa đổi như sau: “*Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc, việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục**

3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa”.

*Hai là, để thể hiện rõ nguyên tắc xử lý theo hướng hạn chế áp dụng HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tác giả kiến nghị sửa đổi đoạn 1 khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 như sau: “*Tòa án chỉ áp dụng HPTCTH đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2, việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này và các hình phạt khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa”.**

Thứ hai, kiến nghị khắc phục hạn chế trong các quy định về mức phạt tù có thời hạn.

Một là, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn rõ mức phạt tù (Điều 101 BLHS) cũng như mức phạt tiền (Điều 99 BLHS), mức phạt CTKGG (Điều 100 BLHS) chỉ bị khống chế mức tối đa mà không bị khống chế mức tối thiểu theo hướng dẫn tại mục I.4. Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của TANDTC.

*Hai là, Điều 101 BLHS năm 2015 cần sửa đổi cụm từ “*điều luật được áp dụng*”, “*mức phạt tù mà điều luật quy định*” thành cụm từ “*khung hình phạt được áp dụng*”, “*mức phạt tù mà khung hình phạt quy định*” để việc áp dụng pháp luật được thống nhất trong trường hợp điều luật có nhiều khung hình phạt.*

Ba là, để đảm bảo được quyền của người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như cụ thể hóa tinh thần hướng dẫn tại mục 11.2a Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP trong trường hợp khi áp dụng Điều 101 BLHS năm 2015 mà mức phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tính ra thấp hơn mức tối thiểu

của HPTCTH (thấp hơn 3 tháng tù), tác giả kiến nghị Điều 101 BLHS cần quy định rõ trong trường hợp này, Tòa án được chuyển sang áp dụng loại hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Với những kiến nghị trên về mức phạt tù có thời hạn, Điều 101 BLHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 101....

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu khung hình phạt được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà khung hình phạt được áp dụng quy định.

2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu khung hình phạt được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà khung hình phạt được áp dụng quy định.

3. Trường hợp quyết định hình phạt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà mức phạt tù được xác định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thấp hơn 3 tháng tù thì Tòa án có thể chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn”.

Thứ ba, kiến nghị khắc phục hạn chế trong các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi PTCĐ. Tác giả kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn rõ các bước quyết định hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi PTCĐ với nội dung:

“Việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi PTCĐ quy định tại khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 cần được thực hiện theo hai bước như sau: (i) Bước 1, xác định mức hình phạt tối đa được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 99,100,101 BLHS năm 2015 tương ứng như đối với trường hợp tội phạm hoàn thành; (ii) Bước 2, trên cơ sở kết quả đã xác định được ở bước 1, Tòa án xác định mức hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi PTCĐ là không quá một phần ba hoặc không quá một phần hai (tùy theo độ tuổi) của mức hình phạt đã xác định được ở bước 1”.

Thứ tư, kiến nghị khắc phục hạn chế trong các quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội. Tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 103 BLHS năm 2015 như sau:

“2. Đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất

đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều này;

Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Nếu mức hình phạt...”.

Thứ năm, kiến nghị khắc phục hạn chế trong các quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tác giả kiến nghị sửa đổi đoạn 2 Điều 104 BLHS năm 2015 như sau: “Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể được quy định tại Điều 103 của Bộ luật này”.

Kết luận

Những quy định của BLHS năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có ý nghĩa quan trọng để có thể đạt được mục

đích cải tạo, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội và cụ thể hóa được các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ các nội dung phân tích trong bài viết cho thấy quy định của BLHS năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn còn có nhiều hạn chế cần được khắc phục nhanh chóng để có thể bảo đảm được lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng thống nhất pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).
2. Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.
3. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.
4. Nguyễn Thị Phương Hoa, Lê Huỳnh Tấn Duy (Đồng chủ biên, 2023), *Tư pháp hình sự đối với NCTN (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Công an nhân dân.
5. Trường Đại học Luật TP. HCM (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần Chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
6. Đỗ Thị Phượng (Chủ biên, 2020), *Giáo trình tư pháp đối với NCTN*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
7. Đặng Văn Thực (2021), “Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS năm 2015”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 01.